

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang.

Ông Lê Việt Long.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 261/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 96/2026/TB-TA ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Th, sinh năm 1997; CCCD số 030197013512 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/3/2022;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã T, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1991; CC số 030091018399 do Bộ công an cấp ngày 06/01/2026;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã T, thành phố Hải Phòng. Hiện ở Hàn Quốc. **Anh Th1 đã về nước từ ngày 31/12/2025.**

- Người được chị Th ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Hải Phòng.

(Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 31/8/2017. Anh Th1 đi lao động tại Hàn Quốc trước khi kết hôn với chị, sau khi kết hôn anh thỉnh thoảng về nước thăm vợ con. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, anh Th1 không tin tưởng tình cảm của chị, vợ chồng lạnh nhạt với nhau. Kể từ năm 2019 anh Th1 trốn ra ngoài làm bất hợp pháp, anh không quan tâm đến gia đình vợ con. Năm 2022 chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Th1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2017, hiện đang ở với bà Lê Thị Q là mẹ đẻ chị Th. Chị Th đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh Th1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Lê Thị Q thay chị chăm sóc con Nguyễn Hữu C cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Lê Thị Q thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Th1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Thuy. Bà Nguyễn Thị Y (là mẹ đẻ anh Th1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Th1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Th1 vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Th1 biết. Anh Th1 có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai nên không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị Th xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị Thủy trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hữu C cho đến khi con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngày 31/12/2025 anh sẽ về nước để được trực tiếp chăm sóc con chung. Anh xác định vợ chồng không có tài sản

chung, cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà Yên đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Hữu C cho anh Th1 được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Công trưởng thành.

Người được chị Thủy ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - bà Lê Thị Q trình bày: Bà nhất trí nhận ủy quyền của chị Th, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị Th biết, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, bà nhất trí thay chị Th chăm sóc cháu Nguyễn Hữu C cho đến khi chị Th về nước.

Con chung của chị Th và anh Th1 là cháu Nguyễn Hữu C có nguyện vọng được ở với chị Th và bà Qu.

Theo xác minh tại thôn V, xã T: Chị Th và anh Th1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Th1 đi lao động tại Hàn Quốc trước khi kết hôn với chị Th, sau khi kết hôn anh đi lại về thăm vợ mỗi tháng một lần. Đến năm 2019 anh Th1 trốn ra ngoài lao động bất hợp pháp nên không về thăm vợ con được. Năm 2022 chị Th đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng nghi ngờ tình cảm, ít liên lạc với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Ngày 31/12/2025 anh Th1 về nước giữ nguyên quan điểm và xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần và không còn. Chị Th1 xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Hiện tại anh đã về nước ở hẳn nên đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Anh Th1 có mặt nhất trí ly hôn với chị Th, đề nghị tòa án giao con cho anh nuôi vì hiện tại anh đã về nước ở hẳn, anh không đề nghị chị Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ

việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh Th1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2017 cho anh Th1 chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Trương Thị Th và bị đơn anh Nguyễn Văn Th1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã T, thành phố Hải Phòng. Hiện chị Th đang lao động tại Đài Loan, anh Th1 đã về nước. Do vậy, Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Th1. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Th1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Y là mẹ đẻ anh Th1 để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Th và anh Th1. Bà Y vẫn liên lạc với anh Th1 và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Th và anh Th1. Ngày 31/12/2025, anh Th1 về nước vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th1 có mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thủy theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 31/8/2017 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị Th và anh Th1 đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng nghi ngờ tình cảm của nhau, không chia sẻ và không quan tâm đến nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Chị Th có đơn xin ly hôn, anh Th1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, xử cho chị Th ly hôn anh Th1.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị Th và anh Th1 là cháu Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2017, hiện đang ở với anh Th1. Anh Th1 có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Th cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy, nguyện vọng được nuôi con của chị Th và anh Th1 là hoàn toàn chính đáng, cháu C cũng có nguyện vọng được ở với chị Th. Tuy nhiên, hiện tại chị Th đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Th1 về nước ở hẳn từ ngày 31/12/2025 và đã đón cháu C về chăm sóc, nuôi dưỡng. Do cháu C là con trai, để ổn định cuộc sống của cháu và sự uồn nắn của người cha, cần giao cháu C cho anh Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của anh Th1 không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh Th1 cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa

án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Th, xử cho chị Trương Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn Th1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Th1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Hữu C, sinh ngày 16/6/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th1 không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Trương Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0004945 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; anh Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/02/2026.

Nơi nhân:

- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Cục THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- UBND xã T, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện